

Bản án số:112/2021/DS-ST  
Ngày 30/9/2021  
*V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Văn Cường và ông Phan Sỹ Phác.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuyên- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:157/2021/TLST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXX- DS ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà K, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông..

- *Bị đơn:* Bà V, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà K trình bày :

Bà V có vay tổng số tiền 215.000.000 đồng, cụ thể theo 02 giấy vay tiền sau:

Ngày 17/5/2018, vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 17/5 đến 17/8/2018.

Ngày 18/7/2018, vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 17/7 đến ngày 17/10/2018.

Hai bên không thỏa thuận lãi suất trong hạn, chỉ thỏa thuận lãi suất 01%/ngày nếu bà V không trả được thì chịu lãi suất. Nhưng khi đến hạn thanh toán nợ, bà V không thực hiện nghĩa vụ. Bà K đã chủ động đến nhà và liên lạc điện thoại trực tiếp cho bà V nhưng bà V vẫn không trả tiền.

Bà K khởi kiện bà V và yêu cầu thanh toán tổng số tiền gốc 215.000.000 đồng. Đối với lãi suất, trong 02 giấy vay tiền thể hiện lãi suất 1%/ngày nếu bà V không trả

tiền đúng hạn và đơn khởi kiện yêu cầu tính suất 1%/tháng nhưng bà K không yêu cầu tính lãi suất theo 02 giấy vay tiền và đơn khởi kiện. Nay bà K yêu bà V phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 10%/năm theo quy định của pháp luật đối với từng khoản vay theo 02 giấy vay tiền. Bà K không yêu cầu tính lãi suất trong hạn.

Nay bà K yêu cầu bà V phải thanh toán số tiền gốc và lãi như sau:

- Giấy vay tiền ngày 18/7/2018, bà V thanh toán số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng). Tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 10%/năm, tính từ tháng 11/2018 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Giấy vay tiền ngày 17/5/2018, bà V thanh toán số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 10%/năm, tính từ tháng 9/2018 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Bị đơn bà V: bà V hiện đang sinh sống tại Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, bà V đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng bà V không ký vào biên bản giao nhận

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc bà V có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 215.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tiền 10%/năm theo từng thời gian cụ thể theo giấy vay tiền, bà V phải chịu án phí dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay theo giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2018 và ngày 17/5/2018, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản (vay tiền) được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ và đang sinh sống tại Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà bà V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà V. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, bà V phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo giấy vay tiền ngày 18/7/2018 và ngày 17/5/2018, bà K cho bà V vay tổng số tiền 215.000.000 đồng, dưới mục người vay có chữ ký của bà V, dưới mục người cho vay có chữ ký của bà K. Như vậy, hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa bà K và bà V là có thật được thể hiện qua giấy xác nhận nợ: giấy ngày 17/5/2018, vay số tiền 45.000.000 đồng và giấy ngày 18/7/2018, vay số tiền 170.000.000 đồng, do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là bản gốc, có chữ ký xác nhận của bị đơn. Thỏa thuận của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[2.3] Tại giấy xác nhận nợ: ngày 17/5/2018, vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 17/8/2018; ngày 18/7/2018, vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn trả nợ ngày 17/10/2018, nhưng khi đến hạn trả nợ bà V không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm thực hiện nghĩa vụ dân sự và nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn....*”.

[3] Yêu cầu về nợ gốc: Bà K yêu cầu bà V trả tổng số tiền nợ gốc đã vay là 215.000.000đ (hai trăm mười lăm triệu đồng) theo giấy xác nhận nợ ngày 17/5/2018 và ngày 18/7/2018 là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu và buộc bà V trả cho bà K.

[4] Về lãi suất: Bà K yêu cầu tính lãi suất chậm trả tiền là 10%/năm, cụ thể:

- Giấy vay tiền ngày 17/5/2018, số tiền 45.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ tháng 9/2018 đến ngày xét xử (ngày 30/9/2021) là 37 tháng, cụ thể: 45.000.000 đồng x 37 tháng x 0.833% = 13.869.450 đồng

- Giấy vay tiền ngày 18/7/2018, số tiền vay 170.000.000 đồng, thời gian vay từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử (ngày 30/9/2021) là 35 tháng, cụ thể: 170.000.000 đồng x 35 tháng x 0.833% = 49.563.500 đồng.

Tổng số tiền lãi chậm trả tiền là 63.432.950 đồng (sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm năm mươi đồng). Yêu cầu tính lãi suất chậm trả tiền và

tiếp tục tính lãi suất chậm trả tiền cho đến khi bà V thực hiện xong nghĩa vụ của bà K phù hợp với khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, yêu cầu này có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết, bà K chỉ yêu cầu một mình bà V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền theo giấy vay tiền. Vì bà V là người trực tiếp giao dịch và ký giấy nhận nợ. Nên yêu cầu của bà K là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc bà V phải thanh toán cho bà K số tiền gốc là 215.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền là 63.432.950 đồng. Tổng số tiền bà V phải thanh toán cho bà K là 278.432.950 đồng. Bà V tiếp tục chịu lãi suất chậm trả tiền theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể:  $278.432.950 \text{ đồng} \times 5\% = 13.921.647 \text{ đồng}$ . Hoàn trả cho nguyên đơn bà K số tiền 7.250.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0006663, ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K.

1.1. Buộc bà V phải trả cho bà K tổng số tiền là: 278.432.950 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm năm mươi đồng), trong đó gốc là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tiền là 63.432.950 đồng (sáu mươi ba triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn chín trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà V phải nộp 13.921.647 đồng (mười ba triệu chín trăm hai mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà K số tiền 7.250.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0006663, ngày 28/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 01/10/2021), bà V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền nợ gốc là 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng) do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho đến khi thi hành án xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

**Lại Hồng Duy**